

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN THÀNH
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:173/2024/HNGĐ-ST

Ngày 17 tháng 12 năm 2024

“V/V Tranh chấp về hôn nhân gia đình”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH - TỈNH NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Anh Ngọc

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Thanh – Ông Phan Văn Hưng

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Tình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thành - tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành - tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Trong ngày 17 tháng 12 năm 2024. Tại Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 511/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2024, về việc Tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:208/2024/QĐXX-ST ngày 27 tháng 11 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 119/2024/QĐ-HPT ngày 10 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị L, sinh ngày 10/9/1992.

Nơi cư trú: xóm C, xã V, huyện Y, tỉnh Nghệ An (Có mặt tại phiên tòa).

- **Bị đơn:** Anh Lương Văn H, sinh ngày 20/6/1988.

Nơi cư trú: Xóm C, xã V, huyện Y, tỉnh Nghệ An. (Vắng mặt lần thứ 2 tại phiên tòa không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, trình bày tại bản tự khai và trình bày của nguyên đơn chị Nguyễn Thị L tại phiên tòa thì vụ án có nội dung:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Tôi Nguyễn Thị L và anh Lương Văn H tổ chức cưới nhau vào tháng 02/2012. Trước khi cưới anh chị có quá trình yêu đương, tìm hiểu, việc dẫn tới kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, được gia đình hai bên tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương anh H cư trú, dưới sự chứng kiến của

hai họ, bà con xóm làng bạn bè. Trước khi cưới chị L, anh H đã làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện Y, tỉnh Nghệ An được cấp giấy chứng nhận kết hôn số:29/2012/ngày 28/02/2012.Theo chị L, sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc với nhau đến cuối năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là quá trình sống chung vợ chồng không hợp nhau về lối sống, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân, anh H không có ý thức xây dựng hôn nhân bền vững.Do đó trong cuộc sống chung vợ chồng thường xuyên va chạm với nhau qua lời nói, hành động, gây khó chịu cho nhau làm mất tình cảm vợ chồng hôn nhân đổ vỡ. Thời điểm mâu thuẫn vợ chồng xảy ra đỉnh điểm, sâu sắc nhất là đầu năm 2017.Chị L thấy hôn nhân giữa chị và anh H đã đổ vỡ nên chị không yêu cầu gia đình hai bên, các tổ chức đoàn thể, chính quyền địa phương hòa giải cho vợ chồng. Do đã mất hết cảm, tình yêu tình cảm với anh H nên chị L đã chủ động sống ly thân với anh H đến tỉnh Thái Nguyên làm ăn, vợ chồng cắt đứt mọi thông tin liên lạc kể từ đầu năm 2017 không còn quan tâm tới nhau nữa.Nay chị L xác định không còn tình cảm đối với anh Lương Văn H nữa, hôn nhân giữa chị và anh H đã hoàn toàn tan rã đổ vỡ, dù có hòa giải đến đâu thì chị cũng không thể hàn gắn đoàn tụ với anh H, do đó đề nghị Tòa giải quyết cho chị được ly hôn anh Lương Văn H.

- **Về quan hệ con chung:**Vợ chồng có với nhau 02 con chung, cháu Lương Gia B (Giới tính : Nam) sinh ngày18/8/ 2012 và cháu Lương Thị Hải Y (Giới tính: Nữ), sinh ngày 03/12/2013. Hai con chung hiện nay đang được anh H và ông bà nội trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, chị L đi lại thăm nom chăm sóc con chung thường xuyên. Nếu ly hôn chị đề nghị giao hai con chung cho anh H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, vì hai con chung có nguyện vọng được sinh sống với bố. Hơn nữa hiện tại chị L chưa có đủ điều kiện nuôi con, đang có dự kiến đi làm ăn xa. Chị L tự nguyện cấp cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 2.000.000 đ (Hai triệu đồng), mỗi cháu 1.000.000 đồng (Một triệu đồng).

- **Về tài sản chung:** Chị Nguyễn Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Lương Văn H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, yêu cầu anh có mặt tại tòa án để giải quyết vụ án, nhưng anh không hợp tác, nên Tòa án không thu thập được ý kiến, lời khai của bị đơn anh Lương Văn H. Song qua các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và trình bày của chị L trong quá trình giải quyết vụ án thì về quan hệ hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến hôn nhân giữa chị L và anh H tan rã đổ vỡ cơ bản đúng như nguyên đơn đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật mà nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải

quyết là Tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Đình B1 có nơi cư trú, sinh sống tại xã V, huyện Y, tỉnh Nghệ An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An qui định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, yêu cầu nguyên đơn, bị đơn có mặt tại tòa án để giải quyết tranh chấp, nhưng bị đơn anh Lương Văn H không chấp hành, không hợp tác. Do đó Tòa án đã lập biên bản theo trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự làm cơ sở để giải quyết vụ án.

Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy báo tham gia phiên tòa lần thứ nhất đã được, tổng đạt lệ cho các đương sự. Tại phiên tòa lần thứ nhất nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử đã Quyết định hoãn phiên tòa, ấn định về thời gian tiếp tục xét xử vụ án. Tòa án tiếp tục tổng đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy báo tham gia phiên tòa lần thứ hai cho các đương sự. Tại phiên tòa lần thứ hai nguyên đơn chị Nguyễn Thị L có mặt, bị đơn anh Lương Văn H tiếp tục vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án với sự vắng mặt đối với bị đơn Lương Văn H.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Điều kiện kết hôn, trình tự thủ tục tiến tới hôn nhân giữa chị L, anh H được các bên thực hiện đúng quy định của pháp luật. Chị L, anh H tự nguyện tiến tới hôn nhân, đã làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện Y, tỉnh Nghệ An được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 29/2012/ngày 28/02/2012 nên xác định hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị L và anh Lương Văn H là hôn nhân hợp pháp.

Mâu thuẫn cơ bản dẫn đến hôn nhân giữa chị L, anh H tan rã, đổ vỡ chủ yếu là do quá trình sống chung các bên không hợp nhau, không có tiếng nói chung, một trong hai bên không có ý thức xây dựng hôn nhân bền vững đối với nhau trong quan hệ tình cảm dẫn đến hôn nhân đổ vỡ.

Hôn nhân giữa chị L, anh H được xác định tan rã, đổ vỡ kể từ lúc vợ chồng sống ly thân tức đầu năm 2017. Kể từ lúc vợ chồng sống ly thân đến lúc xét xử các bên không có ý thức hòa giải liên lạc để níu kéo hôn nhân. Điều này cho thấy hôn nhân giữa chị L, anh H đã thực sự tan rã đổ vỡ, sợi dây gắn kết tình cảm giữa vợ và chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được như mong muốn của chị L. Nay chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H là có căn cứ, cần áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Lương Văn H.

- Về quan hệ con chung: Kể từ đầu năm 2014 đến nay hai con chung của vợ chồng được anh H và bên nội trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, con chung phát triển

về mọi mặt. Nay chị L đề nghị giao con chung theo hiện trạng là đúng với pháp luật, phù hợp với đạo đức xã hội và nguyện vọng của các con chung. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, xử chấp nhận về việc đề nghị giao nuôi con của chị Nguyễn Thị L.

Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Do anh H trực tiếp nuôi hai con chung, chị L tự nguyện cấp dưỡng nuôi các con chung cùng anh H mỗi tháng 2.000.000 đồng là thể hiện người mẹ có trách nhiệm cao đối với con chung, nên cần chấp nhận việc tự nguyện đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung của chị Nguyễn Thị L.

- Về quan hệ tài sản: Chị Nguyễn Thị L không yêu cầu tòa giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị L phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 107 và Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xử:

1. Về quan hệ tình cảm: Chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Lương Văn H.

2. Về quan hệ con chung: Giao hai con chung cháu cháu Lương Gia B (Giới tính : Nam) sinh ngày 18/8/ 2012 và cháu Lương Thị Hải Y (Giới tính: Nữ), sinh ngày 03/12/2013 cho anh Lương Văn H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện việc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn của chị Nguyễn Thị L như sau:

Chị Nguyễn Thị L thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Lương Văn H mỗi tháng 2.000.000 đ (Bằng chữ: Hai triệu đồng), kể từ tháng 12/2024 cho đến lúc hai con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày anh Lương Văn H làm đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền nói trên, nếu chị Nguyễn Thị L không thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi suất của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Chị Nguyễn Thị L người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom chăm sóc con chung không được ai cản trở, ngăn cấm.

Vì lợi ích của con các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Áp dụng điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự: Điều 26: Điều 27 của nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q qui định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

- Buộc: Chị Nguyễn Thị L nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn và

300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm. Án phí chị L phải nộp được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An theo biên lai nộp tiền số:0003201 ngày 01/11/2024, chị L còn phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo lên tòa án cấp phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo lên tòa án cấp phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Các đương sự,
- VKSND H. Yên Thành,
- CC THA DS H. Yên Thành,
- TAND tỉnh Nghệ An,
- VKSND tỉnh Nghệ An,
- Lưu HSVA,
- UBND xã Viên Thành (Nơi ĐKKH).

**TM: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Vũ Anh Ngọc